MỘT SỐ NGUYÊN NHÂN CỦA SỰ "LỆCH CHUẨN" VÀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC TRONG BẢO TỒN PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH PHẬT GIÁO VIỆT

NGUYỄN XUÂN HỒNG

Tóm tắt

"Phật giáo" là một tôn giáo lớn đồng hành và phát triển cùng đất nước ta đã khoảng 2000 năm. Hiện nay, tôn giáo này có 14.775 cơ sở thờ tự (chùa, thiền viện, tịnh xá, tịnh thất, tụng niệm đường) trên cả nước. Trong số các cơ sở thờ tự đó, có hàng nghìn địa điểm là di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật, danh lam thắng cảnh đã được Nhà nước xếp hạng, với hàng nghìn lễ hội lớn nhỏ, thu hút cả chục vạn du khách thập phương, cùng tín đồ đến hành lễ hàng năm cứ mỗi độ Tết đến xuân về. Ai cũng biết hầu hết các cơ sở thờ tự, đâu đâu cũng muốn trang hoàng hoành tráng, cờ phướn rùm beng, quảng bá ồn ào, làm sai đi mục đích vốn có của lễ hội. Những hiện tượng trùng tu, xây sửa tràn lan thiếu nguyên tắc đã và đang làm biến dạng hình hài các di tích văn hóa Phật giáo mà cha ông ta để lại. Vậy những nguyên nhân nào dẫn đến thực trạng vừa nêu? Chúng ta cần làm gì để khắc phục những hạn chế, yếu kém trong bảo tồn và phát huy giá trị các di tích văn hóa Phật giáo và các di tích tôn giáo tín ngưỡng hiện nay ở Việt Nam.

Từ khóa: Chính sách, Phật giáo, nghi lễ, trùng tu

Abstract

"Buddhism" is a major religion that has been growing and developing in our country for about 2,000 years. Now, there are 14,775 worshiping places (temples, monasteries, pagodas and chanting halls) all over the country. Among them, thousands of places are historical relics, art architecture; scenic places have been ranked by the State with thousands of large and small festivals, attracting tens of thousands of visitors and believers come to the annual ceremony every new year comes. Everyone knows that most of the worshipping places want to decorate colorful, buzzing propaganda which make the original purpose of festivals false. Restoration and building those places without principles have been distorted the Buddhist cultural relics. What are the reasons of this situation? What we need to do to overcome the limitations and weaknesses in preserving and promoting the value of Buddhist cutural relics and current religious belief relics in Vietnam.

Keywords: Policy, Buddhism, ritual, restoration

Có lẽ để bàn sâu hơn về nguyên nhân và giải pháp khắc phục tình trạng lệch chuẩn trong hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, đặc biệt là bảo tồn và phát huy giá trị các di tích văn hóa Phật giáo, trước tiên tác giả bài viết xin đưa ra ý kiến của nhà nghiên cứu Di sản văn hóa Trần Lâm Biền (Cục Di sản- Bộ VH, TT&DL), một nhà khoa học luôn nặng lòng với văn hóa Phật giáo, như một định đề: "*Khi chúng ta muốn thực hiện việc tu bổ hay trùng tu một di tích Phật giáo cụ thể, cũng như một di tích là di sản văn hoá nói chung, thì phải hiểu về nó, phải biết giá trị ẩn chứa bên trong nó và phải thấy tác dụng của nó. Hay cô đọng lại bằng cụm từ Hiển - Mật - Dụng*".

Bảo tồn và phát huy giá trị các di tích Phật giáo là vấn đề tốn không ít giấy mực, cũng như bao tâm trí của nhiều nhà nghiên cứu, nhà khoa học và các nhà quản lý với sự nghiệp bảo tồn di tích Phật giáo, song đâu là nguyên nhân

cơ bản và đâu là giải pháp hữu hiệu để khắc phục thực trạng đã nêu trên. Để làm được điều đó, trước tiên chúng ta phải hiểu về Phật giáo ngay từ khi được du nhập và trụ vững ở nước ta như thế nào.

1. Phật giáo du nhập vào Việt Nam

Phật giáo chính thức được du nhập vào Việt Nam khoảng đầu Công nguyên (cuối thế kỉ II đầu thế kỉ III). Ban đầu là do các nhà sư Ấn Độ đã vân du hoằng pháp cùng với các thương gia Ấn đến từ trước đó, gồm cả đường bộ lẫn đường thủy, nhưng rõ nét hơn là bằng đường thủy. Trung tâm Phật giáo sớm nhất, và cũng là nơi tập trung đông các nhà sư Ấn Độ nhất ở Việt Nam thời bấy giờ là Luy Lâu (còn có tên Ly Lâu, Liên Lâu), thuộc quận Giao Chỉ (Việt Nam thời đó là xứ Giao Châu, dưới ách thống trị của đế chế Hán), tức là vùng Dâu, ngày nay là huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

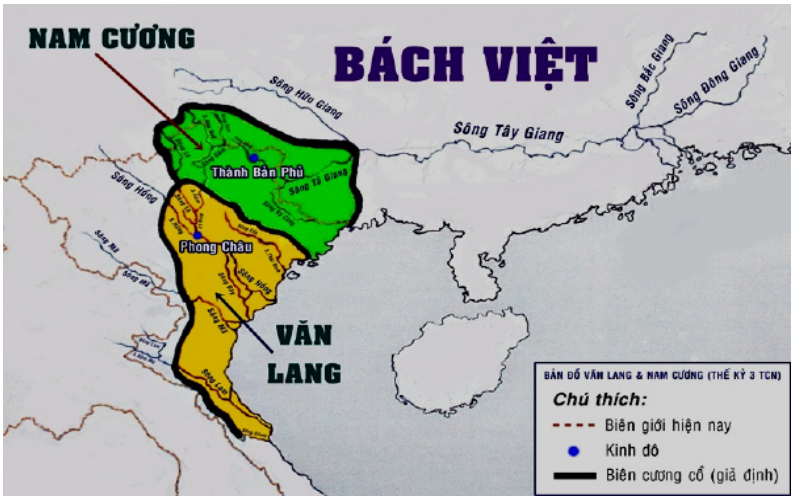

Ảnh 1. Phỏng ước lãnh thổ hai nước Văn Lang của các vua Hùng và xứ Nam Cương của Thục Phán, sau này hợp nhất thành nước Âu Lạc vào khoảng thế kỷ 3 TCN (Nguồn Wikipedia.org)

"Đạo Phật đầu tiên do các thương gia Ấn Độ đem đến. Những người này không phải là những nhà truyền giáo; họ chỉ sống đời sống tín ngưỡng của họ trong lúc lưu lại Giao Châu, và chính vì vậy mà người Giao Châu biết đến đạo Phật…", (9, tr.44). Đạo Phật đã hiện diện ở Giao Châu từ ngày đó. Và lẽ tất nhiên, đạo Phật tới Giao Châu như một cuộc "hôn phối, duyên sinh" tự nhiên trời định. Đạo Phật không áp đặt, mà được dân chúng tự nguyện tiếp nhận rất dễ dàng, do là tôn giáo từ bi, chia sẻ và xoa dịu nỗi đau bị mất nước, bị nô dịch.

Trong khi đó, Nho giáo theo chân của những kẻ xâm lược phương Bắc (Nhà Hán) được áp đặt vào Giao Châu, thông qua chính quyền cai trị nên không được dân chúng tiếp nhận tự nhiên. Theo nhà sử học, Giáo sư Lê Văn Lan *"Đây là thời kỳ gieo mầm, phát triển, bám rễ của Phật giáo Nguyên thủy sớm nhất vào Việt Nam nói riêng hay Đông Á nói chung. Và quan trọng hơn, Phật giáo là tôn giáo phù hợp với người dân thôn dã Việt Nam tiếp nhận dễ dàng thời bấy giờ"*.

2. Nền cảnh xã hội với niềm tin Phật giáo

Đất nước ta ngay từ thời kỳ Nhà nước Văn Lang (của bộ tộc Lạc Việt) được hình thành trên vùng bình nguyên bao gồm đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Mã và đồng bằng sông Lam, thuộc Bắc Bộ cho tới ngày nay, có vị trí trung tâm trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, là cửa ngõ giao thương bằng cả hai con đường (đường thủy và đường bộ). Đặc biệt lại nằm giữa đường giao thông qua lại của hai nền văn minh cổ xưa nhất trên thế giới là Ấn Độ và Trung Hoa. Do vậy, việc giao lưu với các dân tộc bên ngoài quốc gia đã diễn ra rất sớm và cũng liên tục phải chịu cảnh bị dòm ngó thôn tính, tranh chấp lãnh thổ, dẫn đến chiến tranh liên miên. Người dân bị các thế lực ngoại bang xâm chiếm, đặt bộ máy cai trị áp bức, bóc lột, cống nạp, phân biệt đến cùng cực. Trong hoàn cảnh đó, người dân chỉ còn biết tìm đến cầu cứu đấng siêu nhiên, thần linh hay "niềm tin tôn giáo", để xoa dịu nỗi đau quốc gia, dân tộc bị giày xéo, phẫn uất không thể giãi bày. Phật giáo đã có mặt với triết lý từ

bi hỷ xả, cứu khổ, cứu nạn, giải thoát chúng sinh đến bờ giác ngộ và hội đủ duyên lành để người dân Việt tiếp nhận một cách tự nhiên (giai đoạn này chỉ Phật giáo mới đủ mạnh để thành đối trọng với Nho giáo, Đạo giáo do kẻ xâm lược ngoại bang đưa vào).

Theo nhà nghiên cứu Trần Lâm Biền: "*Đạo Phật đã là một sự kiện lịch sử tất yếu của nhân loại, nhằm dung hoà những nỗi bất công của con người trước một xã hội đã phân hoá làm nhiều đẳng cấp*…" (3, tr.9).

Lý do trên đây cho thấy Phật giáo bén rễ vào Việt Nam từ rất sớm và niềm tin vào Phật giáo của mọi người dân trong xã hội, qua những chặng đường thăng trầm của lịch sử là rất sâu đậm. Tuy có lúc hưng thịnh, lúc suy vi tạm lắng do hoàn cảnh xã hội, nhưng Phật giáo vẫn luôn đồng hành cùng dân tộc Việt Nam, chính thức khoảng 20 thế kỷ đã qua.

Nhìn từ giác độ văn hóa truyền thống của dân tộc, ngôi chùa Việt cùng với văn hóa Phật giáo đã như huyết mạch, ngầm chảy trong lòng đất mẹ Việt Nam, nuôi dưỡng phần lớn giá trị tâm hồn người Việt qua hàng nghìn năm văn hiến. Việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa Phật giáo cũng chính là bảo tồn và phát huy nguồn dưỡng chất nuôi cho tâm hồn, niềm tin trong sáng, nhân văn của người Việt Nam, đất nước Việt Nam hôm nay cũng như mai sau.

Nhưng thực tế giai đoạn vừa qua, ở nhiều nơi trên khắp cả nước, nhiều chùa chiền, lễ hội có hiện tượng trang hoàng hoành tráng, cờ phướn rùm beng, quảng bá ồn ào, làm sai đi mục đích vốn có của lễ hội Phật giáo; việc trùng tu, xây sửa tràn lan thiếu nguyên tắc, làm biến dạng di tích văn hóa Phật giáo mà cha ông ta để lại. Vậy nguyên nhân nào dẫn đến và chúng ta cần làm gì để khắc phục, hạn chế những hiện tượng nói trên?

3. Nguyên nhân cơ bản làm biến tướng lễ hội, trùng tu sai mục đích

Một là do điều kiện địa lý. Như đã nêu, Việt Nam là trung tâm giữa các con đường qua lại trên biển, trên bộ, nên thuận lợi cho giao thương trong khu vực và trên toàn thế giới. Đây là nguyên nhân phát sinh những xung đột tranh giành ảnh hưởng địa chính trị nên Việt Nam đã phải chịu nhiều cuộc xâm lăng, viễn chinh của các cường quốc lớn trên thế giới. Người Việt liên tục *bị áp đặt các tư tưởng ngoại lai* trong quá khứ và ngay cả thời hiện đại, điều này là nguyên nhân dễ dẫn tới *lệch chuẩn*.

Hai là, xuất phát từ nền tảng văn hoá con người Việt Nam. Về cơ bản, văn hoá dân tộc ta cũng minh chứng cho mối quan hệ chung sống với *tự nhiên* (thiên nhiên) ngay từ thời người Việt cổ. Đó là một "*cộng đồng người - trời đất*" gần như đồng nhất với nhau; trong đó, con người biết thích nghi để lao động sản xuất, giữ gìn và lợi dụng tự nhiên một cách hợp lý, luôn duy trì một lối sống hoà hợp với đại thế giới bên ngoài (hệ thống các chùa thờ Tứ Pháp là dẫn chứng cụ thể ngay từ khi Phật giáo vào nước ta). Trong lịch sử tư tưởng của dân tộc, cha ông ta không có những học thuyết, sách vở kinh điển chuyên luận. Cuộc sống của con người luôn là sự hoà hợp giữa người và tự nhiên, không thể có cái này mà lại thiếu cái kia. Chính điều này cũng dễ làm cho chúng ta mang tư duy đại khái, tuỳ tiện, văn hoá không cao ngay trong đời sống lao động và sinh hoạt hàng ngày.

Ba là do nhận thức và sự hiểu biết của người dân, của nhà quản lý. Từ trình độ nhận thức của người dân nên trong nhiều lễ hội Phật giáo đang diễn ra hiện nay, bên cạnh những ý nghĩa tích cực được nhấn mạnh như nhắc nhở truyền thống, "*củng cố khối đại đoàn kết toàn dân*" thì "*sự thiêng liêng*" trong tâm thức dường như cũng giảm bớt khi người dân đến tế lễ. Trong đó, thành phần không chỉ có các cá nhân, đơn vị có trách nhiệm trực tiếp liên quan tới lễ hội, mà chủ yếu là người dân, khách du lịch, doanh nhân, cán bộ, công chức văn phòng và cũng có không ít quan chức đến để "du xuân và thắp hương xin lộc Phật, Thánh"... Từ một lễ hội mang ý nghĩa tôn giáo hay mang tính nông nghiệp (*thường là mang tính nông nghiệp, phục vụ cho nhu cầu tín ngưỡng văn hóa nông nghiệp chung sống với tự nhiên*) như lễ hội chùa Dâu,

chùa Keo, chùa Hương, chùa Phổ Minh - Đền Trần... ở cấp địa phương, sau khi được "nâng cấp" chính quy hóa đã trở thành lễ trình diễn hoành tráng với nhiều ý nghĩa mới. Điều này làm thay đổi bản chất của di tích, di sản cả từ nội dung, ý nghĩa đến phương thức tiến hành nghi lễ.

Ảnh 2. Lễ trình diễn hoành tráng với nhiều ý nghĩa mới ở chùa Keo (2016) (Nguồn: Internet)

Ảnh 3. Cảnh chen lấn giẫm đạp để tranh cướp lộc ở chùa Hương (Nguồn: Internet)

Việc "sân khấu hóa" và "sáng tạo truyền thống" gần như đã tách "chủ thể" ra khỏi di tích, di sản, thậm chí làm cho họ coi di tích, di sản đó không còn là của mình mà là của Nhà nước.

Trước đây, các nghi lễ ở các lễ hội do người dân sở tại tổ chức thực hiện (*theo phong tục*) năm này qua năm khác và trở thành nền nếp mà không cần phải có đạo diễn. Các đại diện chính quyền chỉ đến dự lễ. Ngày nay, khi di tích, lễ hội được công nhận và nâng cấp, tình trạng phổ biến ở nhiều lễ hội là các hoạt động "lồng ghép" lai tạp cũng "chen chân" vào bên cạnh nghi thức lễ cổ truyền. Nhiều nơi còn xây mới công trình để "bổ sung" cho di tích, v.v... Các kịch bản mới cho lễ dâng hương cũng được soạn, trong đó "nêu bật" thêm vai trò của nhiều tổ chức, đoàn thể và cả cá nhân đại diện. Nhiều hội diễn, hội thi, hội chợ và cả hội thảo đã được "kết hợp tổ chức" làm thay đổi diện mạo cổ truyền đã có từ ngàn xưa.

Người ta tin và coi việc cầu cúng tâm linh với những mâm lễ lớn dâng lên thánh thần như một sự đầu tư, để "xin" mọi thứ có thể xin (lộc buôn, lộc bán, thăng quan tiến chức…) trong cõi trần tục đầy tính toán. Người ta có thể bịa ra những con số để gán cho những công trình, mù quáng lao theo phong trào "lập kỷ lục" (nhiều nhất, to nhất, rộng nhất...) một cách vô nghĩa, vô lý và tốn kém. Đáng lẽ người ta phải thực hiện nghi lễ, tiếp cận với Thần, Phật với thái độ *nghiêm cẩn, thành tâm, có sự chuẩn bị mang sắc thái tôn giáo*, thì giờ đây thực tế lại ngược lại.

Bốn là do chủ trương, chính sách của Đảng và hệ thống luật pháp của Nhà nước thiếu đồng bộ, gây trở ngại trong quá trình thực thi, triển khai từ cấp trung ương xuống địa phương, đặc biệt ở cấp xã phường, thôn, ban quản lý… (Vấn đề sẽ được tác giả đưa ra bàn thảo ở một chuyên đề riêng ngoài nội dung bài viết này).

Năm là do nền kinh tế Việt Nam đang trên đà phát triển, nên nhìn chung chỉ chú trọng vào khai thác tiềm năng tăng trưởng kinh tế, không tạo tiền đề cho phát triển đồng bộ. Điều này dẫn tới ảnh hưởng đến bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá Phật giáo trong bối cảnh hiện nay.

Sáu là do năng lực của các nhà hoạt động tôn giáo tín ngưỡng (các chư tăng, ni, sư trụ trì), các nhà chuyên môn, nhà quản lý.

Ở đây chúng ta đề cập đến vấn đề con người, trong đó có cả vai trò của các tăng sỹ (lâu nay chúng ta ít nói tới vai trò của giới tăng sỹ, cũng là nguyên nhân ảnh hưởng). Năng lực tham mưu của đội ngũ cán bộ làm công tác

văn hóa cơ sở góp phần quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích Phật giáo. Tuy nhiên, hiện còn tồn tại nhiều hạn chế như: trình độ chuyên môn nghiệp vụ chưa cao, khả năng vận động quần chúng bảo tồn di sản văn hóa Phật giáo chưa thực sự hiệu quả.

Chúng ta cần chú ý tới việc lựa chọn, sử dụng nguồn nhân lực trong bảo tồn và phát huy giá trị di tích Phật giáo, ngay từ việc đầu tư tu bổ và phục hồi di tích, đặc biệt là năng lực chuyên môn quản lý của các chủ thể tham gia thực hiện đầu tư tu bổ và phục hồi di tích Phật giáo.

Bảy là do thông tin, tuyên truyền, truyền thông. Việc thông tin, tuyên truyền, truyền thông trong một xã hội đầy biến động là thách thức đối với không chỉ các cơ quan chuyên môn, mà ngay cả với các nhà quản lý ở tất cả các cấp ngành. Thông tin, tuyên truyền, truyền thông hiện nay là phương tiện tác động trực tiếp, có liên quan đến việc định hướng các hành vi đạo đức trong xã hội, mà trực tiếp ở đây là việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá Phật giáo.

Để chỉ rõ nguyên nhân nào là cơ bản còn tuỳ thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh của từng vùng miền, của địa phương hay cả xã hội. Song theo Giáo sư Ngô Đức Thịnh - Nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu Văn hóa Việt Nam, thì có lẽ có ba nguyên nhân cơ bản mà chúng ta cần phải khắc phục ngay khi còn chưa quá muộn. *Thứ nhất:* sự hiểu biết của người dân, người quản lý lễ hội liên quan tới Phật giáo chưa đầy đủ vì tâm thức đến với tôn giáo tín ngưỡng, cách thức tiến hành lễ hội phải hoàn chỉnh nếu không nó sẽ loạn chuẩn. Nếu như con người có tri thức về vấn đề gì đó sẽ có cách làm đúng mực. *Thứ hai*: vấn đề bị trục lợi hóa. Trục lợi với đời sống thường nhật đã nguy hiểm nhưng đồng tiền thâm nhập đến đời sống tôn giáo, tín ngưỡng sẽ phá hoại nề nếp. *Thứ ba*: phải xác định vai trò chủ thể của người dân đối với lễ hội. Đây là lễ hội của người dân và các cơ quan phải hướng dẫn, trợ giúp cho dân làm cho tốt chứ không phải làm thay người dân.

Thực tế hiện nay, nhiều người không biết mình đang đến đình, đền, chùa nào, thờ ai, đến làm gì, cầu gì… Đại đa số đang trong tình trạng lờ mờ về sự hiểu biết tôn giáo, tín ngưỡng, lễ hội, bởi vậy sẽ dẫn tới hành động "loạn chuẩn". Đây là một nút thắt. Vấn đề bây giờ là làm thế nào để người dân phải hiểu đúng về đời sống tôn giáo, tín ngưỡng, lễ hội, để hành động cho đúng. Nhà nghiên cứu Trần Lâm Biền cũng đã phải nhiều lần cảnh báo về vấn đề "*Cần phải hiểu cho đúng với đời sống tín ngưỡng, tôn giáo hay lễ hội*" trước khi thực hiện những nội dung liên quan đến phát huy vai trò giá trị của di tích. Đó chính là tiền đề để hành động đúng, theo cụm từ mà ông hay nói là "*Hiển - Mật- Dụng*".

Bởi vậy, nếu khắc phục được 3 điểm mà nhà nghiên cứu Ngô Đức Thịnh nêu thì sẽ gỡ rối và tạo ra những thay đổi đáng kể trong bảo tồn và phát huy các giá trị di tích Phật giáo. Hiện nay, chúng ta cần phải làm điển hình, có trọng tâm ở một vài di tích như lễ hội chùa Hương, lễ hội chùa Dâu, lễ hội chùa Keo, lễ hội Đền Trần-chùa Phổ Minh… tạo nên điểm sáng trong các lễ hội liên quan, nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị di tích Phật giáo.

4. Một số nhóm giải pháp khắc phục trong bảo tồn và phát huy giá trị di tích Phật giáo ở Việt Nam hiện nay

- Nâng cao trình độ nhận thức của người dân, dưới nhiều hình thức khác nhau, như lồng vào những buổi thuyết pháp của các chư vị hoà thượng, thượng tọa, tăng ni, các nhà sư trụ trì. Thay việc quảng bá quảng cáo, cờ phướn rùm beng bằng việc tăng cường pano, băng rôn, phát thanh, truyền hình, băng đĩa giảng giải cho người dân hiểu biết về tín ngưỡng, tôn giáo, Phật giáo và mục đích của các lễ hội truyền thống, để người dân hiểu cặn kẽ hơn, sâu rộng hơn, từ đó khắc phục tình trạng lệch chuẩn trong cách thức tiến hành lễ hội. Đặc biệt, phải hoàn chỉnh sự hiểu biết chung trong dân ở các vùng miền nếu không sẽ loạn chuẩn, lệch hướng. Nếu con người có tri thức về vấn đề gì đó sẽ có cách làm đúng mực.

- Cải cách về quy trình, thể thức ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có việc sửa đổi bổ sung *Luật Di sản văn hoá*, nên đưa cụ thể vào phần sửa đổi nội dung luật cũ để người dân tiện theo dõi và thực thi luật. Tránh nhầm lẫn khi sử dụng, viện dẫn luật cho người dân.

- Cần giảm thiểu tối đa những thủ tục rườm rà, thiếu mục đích trong hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di tích, nhất là đầu tư tu bổ di tích. Trong đó cần chú ý tới việc rà soát lại những quy trình thủ tục quá chặt chẽ, song cũng không được quá lỏng lẻo nhằm đạt hiệu quả cao trong quản lý. Nếu ban hành những quy định về thủ tục quá chặt chẽ, dễ dẫn tới tình trạng người dân tìm cách "lách luật" hoặc không muốn di tích được công nhận ở bất kỳ cấp nào để "ngoài luật", để không bị điều chỉnh, tránh bị phiền hà với các cơ quan quản lý Nhà nước. Trong đời sống hàng ngày, người dân và doanh nghiệp phải tuân thủ rất nhiều quy định về thủ tục hành chính. Nhưng những thủ tục hành chính đang là rào cản đối với hoạt động chung và đời sống nhân dân, gây tốn kém, ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh kinh tế của các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp hoạt động ngành đặc thù cần nguồn nhân lực chất lượng cao như ngành "tu bổ di tích".

- Tập trung rà soát, kiểm tra, đánh giá lại các thủ tục hành chính đã ban hành, nhằm kịp thời chỉnh sửa, bổ sung, thay đổi hay loại bỏ thủ tục bất hợp lý. Tập trung trọng tâm vào các nhóm thủ tục có liên quan chính, nhằm đạt được mục tiêu và cần tập trung cải cách theo hướng thuận lợi, hiệu quả, tránh gây những rào cản không đáng có. Cụ thể như sau:

Nhóm thủ tục liên quan đến chủ trương đầu tư tu bổ di tích;

Nhóm thủ tục liên quan đến chuẩn bị đầu tư tu bổ di tích;

Nhóm thủ tục liên quan đến quá trình thực hiện đầu tư;

Nhóm thủ tục liên quan đến thanh quyết toán dự án đầu tư tu bổ di tích;

Nhóm thủ tục liên quan đến quản lý, sử dụng và khai thác.

- Sớm ban hành những văn bản pháp quy, quy định cụ thể, chi tiết trong các hoạt động xã hội hoá các công trình di tích và quy định dịch vụ văn hoá trong các di tích Phật giáo riêng biệt. Về cơ bản, các cơ sở chùa chiền, thiền viện, thiền tự thờ Phật đều là sở hữu của Nhà nước và của toàn dân. Song hiện nay cũng có nhiều cơ sở Phật giáo do tư nhân đầu tư, nên chăng cần có khung pháp lý riêng để điều chỉnh, tránh hiện tượng tự "đạo diễn" hoạt động lễ hội làm sai lệch mục đích chính, dẫn tới loạn chuẩn các lễ hội liên quan tới Phật giáo.

- Đặc biệt trong chính sách liên quan tới phát huy vai trò của văn hóa Phật giáo, Nhà nước cần phải tạo động lực để:

+ Khuyến khích các hoạt động xã hội liên quan đến văn hoá Phật giáo, để từ đó mọi thành viên trong xã hội có thể đóng góp sức mình, kìm hãm hay hạn chế các mặt tiêu cực của xã hội;

+ Đảm bảo cho sự cân đối, ổn định về mọi mặt của xã hội thông qua vai trò của văn hoá Phật giáo;

+ Phát huy được mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của kinh tế thị trường;

+ Tạo lập sự cân đối, phân phối nguồn lực trong văn hóa nói chung cho quá trình phát triển của đất nước;

+ Tạo lập môi trường thích hợp cho các yếu tố của nền kinh tế xã hội vận động như chúng ta thực hiện chính sách mở cửa tăng cường giao lưu và hợp tác kinh tế với thế giới;

+ Dẫn dắt, hỗ trợ các hoạt động văn hoá Phật giáo theo định hướng, phối hợp các hoạt động của các ngành, các cấp để người dân nhận thức rõ giá trị của văn hoá Phật giáo với xã hội.

- Nâng cao năng lực chuyên môn của các nhà hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, các nhà chuyên môn chuyên ngành sâu, nhà quản lý

Đặc biệt về vấn đề đầu tư tu bổ và phục hồi di tích Phật giáo tác giả bài viết xin nêu giải pháp riêng cụ thể như:

+ Nâng cao năng lực quản lý chuyên môn của cơ quan chủ quản đầu tư trùng tu di tích

Phật giáo (Cục di sản, Bộ VH TT&DL, Các sở ban ngành liên quan...);

+ Nâng cao năng lực quản lý của chủ đầu tư;

+ Nâng cao chất lượng công tác tư vấn đầu tư;

+ Nâng cao hiệu quả tham gia của các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu liên ngành có liên quan đến các giá trị văn hoá Phật giáo;

+ Nâng cao chất lượng thi công tu bổ của các nhà thầu.

Bên cạnh việc đòi hỏi chất lượng nguồn nhân lực, chúng ta cần thực hiện chính sách tài chính ưu đãi nguồn nhân lực "đặc thù" chất lượng cao trong hoạt động tu bổ và phục hồi các di tích lịch sử - văn hoá, nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị di tích Phật giáo được tốt hơn.

- Giải pháp tổ chức quản lý nguồn vốn tốt, đồng thời tránh can thiệp hành chính quá sâu. Ban hành chính sách quản lí, sử dụng các nguồn tài chính của các di tích Phật giáo như tiền công đức, tiền bán vé, tiền tài trợ... theo định hướng ưu tiên sử dụng các nguồn thu của di tích Phật giáo cho việc tu bổ, tôn tạo di tích.

Tăng cường phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương để tìm nguồn vốn đầu tư cho tu bổ. Huy động nguồn lực trong cộng đồng dân cư, nhất là nhân dân địa phương để bảo tồn, phát huy giá trị di tích văn hóa Phật giáo. Có hình thức khen thưởng xứng đáng cho những doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đóng góp tích cực đối với công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di tích Phật giáo hiện nay.

- Tăng cường công tác thanh, kiểm tra các hoạt động liên quan đến di tích Phật giáo

Đẩy mạnh công tác quản lí, giám sát và định hướng hoạt động bảo tồn, khai thác các di tích văn hóa Phật giáo. Cần triển khai có hiệu quả phân cấp về quản lí các di tích văn hóa Phật giáo, phân công chuyên viên quản, giám sát hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di tích văn hóa Phật giáo.

Công tác quản lí di tích Phật giáo nên có cơ chế quản lí mang tính chuyên biệt trên sơ sở tuân thủ nghiêm túc các quy định của Luật di sản văn hóa, Quy chế Bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

- Giải pháp hội nhập, giao lưu, giới thiệu di tích văn hoá Phật giáo

Khai thác và phát huy giá trị di tích văn hóa Phật giáo để đưa vào hoạt động du lịch là việc làm cần thiết, nhưng phải kiểm soát đúng hướng. Chính quyền, người dân, doanh nghiệp khai thác du lịch cần liên kết với các hoạt động lễ hội tôn giáo của các cơ sở chùa chiền, thiền viện; xây dựng các chương trình du lịch, tuyến du lịch cụ thể, đến các di tích văn hóa Phật giáo và danh lam thắng cảnh trên các địa bàn gần nhau. Cần khuyến khích việc duy trì phong tục, tập quán lành mạnh, tốt đẹp của dân địa phương, các lễ hội truyền thống, bài trừ hủ tục có hại đến đời sống văn hóa của nhân dân; duy trì và phát huy các giá trị văn hóa ẩm thực (ăn chay), giá trị về trang phục truyền thống dân tộc, các tri thức dân gian; phục hồi và phát triển các nghề thủ công truyền thống có giá trị tiêu biểu quanh khu vực cơ sở di tích Phật giáo.

- Ngoài những giải pháp cơ bản khắc phục hạn chế đã nêu, để đạt hiệu quả cao hơn trong hoạt động bảo tồn các di tích Phật giáo trong thời gian tới, chúng ta cần phải khắc phục một số vấn đề trực tiếp khác:

+ Chú trọng nâng cao năng lực các đơn vị chuyên tư vấn trong hoạt động bảo quản, tu bổ và phục hồi các di tích Phật giáo, cũng như các đơn vị tư vấn, thiết kế quy hoạch, lập dự án, quản lý dự án, giám sát thi công, tư vấn liên ngành… Lực lượng này hiện nay quá mỏng, thiếu chuyên môn cao, không chuyên nghiệp theo đúng nghĩa;

+ Khắc phục tình trạng thiếu các đơn vị, cá nhân kiểm tra, thẩm tra độc lập, thẩm tra dự án bảo tồn tu bổ di tích Phật giáo, trước khi chuyển cho các cơ quan quản lý Nhà nước thẩm định, phê duyệt;

+ Khắc phục tình trạng phân cấp, giao chủ đầu tư cho địa phương (cấp huyện, xã) nhưng

chưa có sự chuẩn bị về mặt đội ngũ có chuyên môn. Cán bộ chuyên môn văn hoá ở địa phương đa phần kiêm nhiệm nhiều công việc, ở cấp xã chỉ có 1 công chức văn hoá phụ trách chung, dẫn tới chất lượng chuyên môn và hiệu quả công tác tu bổ di tích Phật giáo yếu kém;

+ Giảm thiểu và tiến tới bỏ sự can thiệp của chính quyền các cấp vào hoạt động chuyên môn sâu trong bảo quản, tu bổ và phục hồi các di tích Phật giáo (can thiệp mang tính lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm);

+ Khắc phục sự thiếu hiểu biết của những vị trụ trì hay của cộng đồng địa phương có di tích Phật giáo. Những đối tượng này đã trực tiếp làm sai lệch các yếu tố gốc di tích theo lối áp đặt, khiến các bộ phận chuyên môn mất vai trò;

+ Cần tổ chức quản lý vốn xã hội hoá chặt chẽ, đồng bộ, phân bổ vốn đúng mục đích, tập trung vào tu bổ yếu tố gốc, hạng mục di tích cần được tu bổ cấp thiết; không tập trung xây dựng các hạng mục mới ở di tích, làm phá vỡ cảnh quan di tích (nếu thấy không quá cần thiết);

+ Tránh việc các địa phương làm sai nguyên tắc trong đầu tư bảo tồn di tích, điều chuyển vốn không đúng mục tiêu, không có nguồn đối ứng, làm ảnh hưởng tiến độ, hiệu quả đầu tư khi Nhà nước có điều kiện đầu tư vốn;

+ Khắc phục tình trạng phối kết hợp giữa địa phương với Bộ chủ quản trong công việc không đồng bộ, từ việc ban hành cơ chế chính sách đến thực hiện việc chỉ đạo điều hành;

+ Đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát, tránh mang tính hình thức, thiếu đồng bộ, kết quả không cao;

+ Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục về công tác tu bổ, tôn tạo di tích Phật giáo mang ý nghĩa tích cực. Tránh tình trạng báo chí hạn chế thông tin hay đưa tin chưa thật sự xác thực nguồn thông tin, làm dư luận phản ứng.

Thay cho lời kết

Hiện nay, trong sự tác động và ảnh hưởng của kinh tế thị trường, của quá trình CNH, HĐH, trên đất nước ta cũng đã và đang ra đời những hình thức mới của sự sáng tạo văn hóa: Sản xuất văn hóa, công nghiệp văn hóa và thị trường văn hóa. Những hình thức mới của sáng tạo văn hóa này có tác động đa chiều tới cả sự sáng tạo cá nhân lẫn sự hưởng thụ của đông đảo nhân dân. Tuy nhiên, nền công nghiệp văn hóa vốn coi trọng lợi ích kinh tế sẽ tạo áp lực không thể tránh khỏi giữa một bên là *những mục tiêu văn hóa cơ bản nhất và một bên là tính chất thị trường; hoặc giữa một bên là những quan tâm có tính thương mại và một bên là mong muốn một nội dung phản ánh được sự phong phú, đa dạng của bản sắc văn hóa.* Do đó, trong văn hóa càng bộc lộ những xu hướng biến đổi phức tạp và những diễn biến vượt tầm kiểm soát (như những hiện tượng sai lệch, biến tướng đã nêu trên).

Dù thích ứng với công nghệ tiên tiến, thế giới văn minh không biện hộ cho việc phá bỏ những chuẩn mực và *những quy tắc chung trong bản sắc văn hóa Việt.*

Do vậy, muốn bảo tồn và phát huy giá trị các di tích văn hóa nói chung, di tích văn hóa Phật giáo nói riêng trong bối cảnh hiện nay, đòi hỏi chúng ta phải đổi mới quy trình sáng tạo văn hóa, đổi mới thể chế và chính sách văn hóa. Đặc biệt, cần phải khắc phục những hạn chế yếu kém mà lâu nay chúng ta đã vấp phải trong quá trình tu bổ, tôn tạo hay bảo tồn phát triển thiếu đồng bộ các di tích Phật giáo nói riêng và di tích là di sản của Quốc gia nói chung.

Chúng ta cần phải chú trọng tới các giải pháp tạo động lực cho sự phát triển, mở rộng mọi nguồn lực vào phát triển văn hóa của đất nước nói chung, văn hóa Phật giáo nói riêng, trong đó phát triển con người mới là nhiệm vụ hàng đầu và trung tâm. Cần tạo lập chính sách văn hóa vì sự tiến bộ của con người trong cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở thời kỳ CNH, HĐH của nước ta. Phát triển *con người mới* phải biết đối mặt với tác động của quá trình toàn cầu hóa, mà qua đó, những vấn đề của xã hội hậu công nghiệp tin học và hậu hiện đại sẽ có những ảnh hưởng vừa tích cực vừa tiêu cực. Cần phải tạo dựng, nuôi dưỡng mạch nguồn văn hóa *mang sắc*

thái văn hóa riêng của Việt Nam để đối trọng với bối cảnh toàn cầu hóa (đồng nghĩa với nhất thể hóa về văn hóa của những nền văn hóa dựa trên nền tảng kinh tế và công nghệ mạnh), học tập cha ông ta, đã từng lấy *Phật giáo để dị biệt với Nho, Đạo* trong những buổi đầu bị áp đặt đồng hóa văn hóa Hán. Những đòi hỏi về đa văn hóa là phản ứng chung có tính quốc tế chứ không chỉ của Việt Nam, đòi hỏi này phát khởi từ châu Âu chống lại cái gọi là văn hóa Mc Donald.

Hiện nay, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích văn hóa nói chung, di tích văn hóa Phật giáo nói riêng về bản chất là *ý chí, quan điểm và định hướng*, tạo điều kiện cơ bản để *quản lý văn hóa của đất nước* với tư cách là phương tiện hiệu quả nhằm thiết lập cuộc sống tốt đẹp, phát triển một nền văn hóa lành mạnh. Tất cả được thể hiện qua các công cụ như: Luật liên quan đến văn hóa, cơ chế tài chính, dân chủ hóa, phân cấp phân quyền, sự liên thông khoa học công nghệ và marketing.

N.X.H
(*Trường ĐH Mỹ thuật Công nghiệp Hà Nội*)

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Văn Bài (2008), *Nhận diện để phát huy giá trị di sản văn hoá Phật giáo Việt Nam*, Tạp chí Di sản văn hóa, số 2 (23), tr.7 - 12.

2. Trần Lâm Biền (1990), *Phật giáo và văn hóa dân tộc*, Nxb. Hà Nội.

3. Trần Lâm Biền (1996), *Chùa Việt*, Nxb. Văn hoá - Thông tin Hà Nội, Hà Nội.

4. Nguyễn Văn Đáng (2007), *Quản lý dự án đầu tư xây dựng*, Nxb. Xây dựng, Hà Nội.

5. Phan Hồng Giang, Bùi Hoài Sơn, đồng chủ biên (2014), *Quản lý văn hóa Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế,* Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

6. Nguyễn Quốc Hùng (2004), *Tầm nhìn tương lai đối với di sản văn hóa và hệ thống bảo vệ di tích ở nước ta*, Tạp chí Di sản Văn hóa, số 09, tr.3 - 10.

7. Nguyễn Quốc Hùng (2015), *Về công tác quản lý di sản văn hoá ở nước ta hiện nay*, Tạp chí Văn hoá học, số 21, tr. 30 - 37.

8. Học viện Hành chính Quốc gia (2009), *Giáo trình Quản lý nhà nước về Tôn giáo và Dân tộc*, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

9. Nguyễn Lang (1979), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

10. Võ Kim Sơn (2001), *Quản lý học đại cương*, Học viện Hành chính Quốc gia HCM, Hà Nội.

11. Lưu Trần Tiêu (2011), *Mấy vấn đề về hoạt động tu bổ, phục hồi di tích Lịch sử - Văn hóa*, Tạp chí Di sản Văn hóa, số 36, tr.03 - 07.

12. Lưu Trần Tiêu (2012), *Mấy vấn đề về nguồn nhân lực trong hoạt động bảo tồn di tích Lịch sử - Văn hóa*, Tạp chí Di sản Văn hóa, số 40, tr.17 - 21.

123 Chu Quang Trứ (2011), *Chùa Việt Nam mảnh đất của sự giao lưu và phát triển văn hóa dân tộc*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 1 - 9 - 2017

Ngày phản biện, đánh giá: 13 - 9 - 2017

Ngày chấp nhận đăng: 30 - 9 - 2017